

Kh. a h c : L, p h c : 36CXD2 N L m h c : 2012-2013 n VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L, P SV	H´ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THÊ NH PHẤN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030355	36CXD2	H° Tuấn Anh	26/09/1993				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
2	3671030327	36CXD2	Tr° Qu´c Bõ	04/07/1994				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
3	3671030488	36CXD2	Trõh Minh Bõ	03/10/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
4	3671031943	36CXD2	Bùi Hòa Bình	08/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
5	3671030472	36CXD2	V» Vẽn Cõng	30/03/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
6	3671050415	36CXD2	Nguy, n H° VỈ Cẽn	05/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
7	3671030398	36CXD2	Nguy, n Duy Châu	24/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
8	3671031979	36CXD2	Bí n Vẽn Chính	10/12/1994				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
9	3671032034	36CXD2	Nguy, n Th°nh Dôn	20/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3671031851	36CXD2	Châu Quang ậ Ỗ	15/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
11	3671030447	36CXD2	Trõh Ng` c ậ Ỗ	17/07/1994				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
12	3671030330	36CXD2	Nguy, n Hu8nh ậ o°n	06/10/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
13	3671030337	36CXD2	Nguy, n Th°nh ậ°ng	21/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
14	3671030446	36CXD2	Lâm Minh ậ Cõng	18/06/1994				9.0			9.0	2.7	3.3	2.3	5.0	
15	3671030409	36CXD2	Nguy, n Ph½c Hũu	14/10/1994				5.0			5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
16	3671030322	36CXD2	Ngô Hi/ũ	02/06/1993				8.0			8.0	2.4	4.8	3.4	5.8	
17	3671030404	36CXD2	Tr°nh Nam Hi°p	28/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
18	3671030331	36CXD2	Hu8nh Ng` c Thanh Hoàng	23/02/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
19	3671031860	36CXD2	Nguy, n Duy Huy Hoàng	10/04/1994				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 36CXD2	Ñm h̃ c : 2012-2013	η VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ nT :	H̃ c phFn : 122067101708 - V·t ĩ L̃ĩ c·ng 2	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L P SV	Hĩ Vê Tạ N	NGÀY SINH	ệ IqM THê NH PHẫN						TBC	QUY TSP: 30.00%	ệ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ệ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030376	36CXD2	TrỆn Huy Hoàng	14/08/1994				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
21	3671031611	36CXD2	LƠn VỄn Huy	25/06/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
22	3671030507	36CXD2	Phan Nhẫt Huy	09/02/1994				9.0			9.0	2.7	6.3	4.4	7.1	
23	3671030324	36CXD2	DỄng Th/J Huynh	08/12/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	
24	3671030444	36CXD2	LỄ Thanh H u	10/08/1994				8.0			8.0	2.4	3.8	2.7	5.1	
25	3671030519	36CXD2	V» Tr`ng H u	03/01/1994				9.0			9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	
26	3671030497	36CXD2	ệ ỏ`n Minh Khoa	05/12/1994				9.0			9.0	2.7	2.8	2.0	4.7	
27	3671030496	36CXD2	Phan Quang Khoa	07/06/1992				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
28	3671030416	36CXD2	VỄ Ng`c Lẫm	10/07/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
29	3671030449	36CXD2	PhỄm VỄn Linh	12/09/1994				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
30	3671030440	36CXD2	TrỆn C¹ng L`ch	17/07/1994				6.0			6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
31	3671030417	36CXD2	Nguy, n ệ đỄ LỄ	03/01/1994				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
32	3671030381	36CXD2	TrỄng Quang LỄ	28/03/1994				8.0			8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
33	3671030461	36CXD2	TrỆn Quang Minh	27/08/1994				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
34	3671030401	36CXD2	ệ inh VỄn Nam	10/05/1993				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
35	3671030385	36CXD2	Ngô Minh Nhân	24/08/1994				9.0			9.0	2.7	5.3	3.7	6.4	
36	3671031913	36CXD2	Hu&nh PhỢc	10/07/1994				9.0			9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
37	3671030319	36CXD2	Lê Hoàng Sa	22/04/1994				8.0			8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
38	3671030485	36CXD2	Nguy, n Ho`i Shn	18/01/1994				7.0			7.0	2.1	1.8	1.3	3.4	

Kh·a h̃ c :	L, p h̃ c : 36CXD2	Nl̃m h̃ c : 2012-2013	q̃ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ nT :	H̃ c phFn : 122067101708 - Vđt lĩ Lũ c Gng 2	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L _u P SV	Hĩ Vê TậN	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHẫN						TBC	QUY TS: 30.00%	ậ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030361	36CXD2	Hu8nh Tr² Tài	22/03/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	Nº HP
40	3671030399	36CXD2	L- Ch Thanh Tài	07/03/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
41	3671030342	36CXD2	Trợh Thanh Tân	26/01/1994				7.0			7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	
42	3671030518	36CXD2	Nguy _u n Vẫn T´nh	04/06/1994				8.0			8.0	2.4	2.5	1.8	4.2	
43	3671030516	36CXD2	Võ Thanh Toàn	28/11/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	Nº HP
44	3671030349	36CXD2	Nguy _u n Thậi Anh Tuẫn	02/04/1993				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	Nº HP
45	3671030491	36CXD2	Hà Chí Thành	17/06/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	
46	3671030352	36CXD2	Trợh Nghợa Thợo	14/10/1993				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
47	3671030346	36CXD2	Phẫn Qu´c Th´nh	10/05/1994				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
48	3671030340	36CXD2	Nguy _u n Trợh Ninh Thuẫn	01/07/1994				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
49	3671030378	36CXD2	Võ Hoàng Anh Th- E	04/02/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
50	3671030510	36CXD2	L° Vẫn Trẫi	23/12/1994				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	
51	3671030356	36CXD2	Nguy _u n Anh Vi´t	10/08/1991				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
52	3671030458	36CXD2	Trợh C¹ng Vinh	10/03/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
53	3671030379	36CXD2	Mai Vẫn Vẫ	10/05/1993				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
54	3671030478	36CXD2	V» Vẫn V- Ch ng	15/12/1994				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	

Tp.HCM, ngày / /

Giáo V Khoa